

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST

Ngày: 28-11-2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Hải;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2017/TLST-KDTM ngày 09 tháng 01 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P. Địa chỉ: đường L, phường B, Quận A, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trịnh Văn T, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật. Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình Vũ L, chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ. Ông L ủy quyền lại cho ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1980. Ngụ tại: Phường X, Quận Y, TP. Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 13/7/2018).

- Bị đơn: Ông H2, sinh năm 1963 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ H. Địa chỉ: ấp R, xã, huyện D, tỉnh Bình Dương. HKTT: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà T2, sinh năm 1971. HKTT: ấp R, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2/ Bà L, sinh năm 1961. HKTT: đường T, phường T, Quận A, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt không lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2, vắng mặt không lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L có đơn yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2016; đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 17/7/2018 và quá trình tố tụng đại diện nguyên đơn (ông Nguyễn Thanh H) trình bày:*

Ngày 02/12/2010, Ngân hàng thương mại cổ phần P (viết tắt là Ngân hàng TMCP P) ký Hợp đồng tín dụng số: 112.10.00004 với ông H2-Chủ Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ H (viết tắt là DNTN H) và bà T2. Theo hợp đồng, Ngân hàng TMCP P cho ông H2-Chủ DNTN H và bà T2 vay số tiền 1.200.000.000 đồng, mục đích bù đắp tiền mua xe ô tô, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho hợp đồng tín dụng số 112.10.00004. Ngày 02/12/2010, ông H2-Chủ DNTN H và bà T2 đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn số: 112.10.00004, tài sản thế chấp là 01 chiếc xe hiệu Hyundai, loại xe tải cầu, số máy D6CB5109628, số khung 006215, biển số 61P-5495 do DNTN H đăng ký sở hữu, Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng tại Phòng công chứng số 7, TP. Hồ Chí Minh. Sau khi hoàn tất thủ tục, ông H2-Chủ DNTN H và bà T2 đã thực hiện việc giải ngân tại Ngân hàng với số tiền 1.200.000.000 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 02/12/2010. Ngày 07/12/2010, Ngân hàng TMCP P đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản TP. Hồ Chí Minh theo hồ sơ số B0101201895BD và số đơn BF10016306BD đối với xe Hyundai biển số 61P-5495.

Đến nay đã hết hạn hợp đồng, nhưng ông H2-Chủ DNTN H và bà T2 vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP P. Do đó, ngày 10/11/2016 Ngân hàng TMCP P khởi kiện yêu cầu ông H2-Chủ DNTN H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP P số tiền tạm tính đến ngày 10/11/2016 là 670.154.706 đồng (trong đó có nợ gốc 419.879.993 đồng; nợ lãi quá hạn 250.274.713 đồng), ông H2-Chủ DNTN H phải chịu lãi suất quá hạn phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 112.10.00004 ngày 02/12/2010 kể từ ngày 11/11/2016 cho đến khi ông H2-Chủ DNTN H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP P.

Nếu ông H2-Chủ DNTN H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ, thì Ngân hàng TMCP P được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe tải cầu hiệu Hyundai mang biển số 61P-5495, số máy D6CB5109628, số khung 006215 theo Hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn số 112.10.00004 ngày 02/12/2010.

Ngày 17/7/2018, Ngân hàng TMCP P có đơn xin thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Ngân hàng TMCP P yêu cầu ông H2-Chủ DNTN H và bà T2 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP P số tiền tạm tính đến ngày 10/11/2016 là 670.154.706 đồng (trong đó có nợ gốc 419.879.993 đồng; nợ lãi quá hạn 250.274.713 đồng) cùng với lãi suất quá hạn phát sinh theo Hợp đồng

tín dụng số 112.10.00004 ngày 02/12/2010 kể từ ngày 11/11/2016 cho đến khi ông H2-Chủ DNTN H và bà T2 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG TMCP P.

Ngân hàng TMCP P xin rút một phần yêu cầu về việc phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe tải cầu hiệu Huyndai mang biển số 61P-5495, số máy D6CB5109628, số khung 006215 theo Hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn số 112.10.00004 ngày 02/12/2010, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông H2-Chủ Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2 trình bày:*

Quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để bị đơn ông H2-Chủ DNTN H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà T2) thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

** Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Thị Mai Lan) trình bày:*

Tháng 10/2012, bà L có mua lại chiếc xe ô tô cầu hiệu Huyndai biển số 61P-5495 của vợ chồng ông H2, bà T2 do DNTN H đăng ký chủ sở hữu với giá 1.200.000.000 đồng. Bà L đã thanh toán tiền cho ông H2, bà T2 xong và ông H2, bà T2 đã giao giấy tờ xe cùng với xe cho bà L sử dụng. Sau đó bà L đã làm thủ tục đăng ký sang tên, hiện bà L đã được cấp giấy đăng ký xe mang biển số 51C-208.52 ngày 08/10/2012. Bà Lyêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:*

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà T2) thanh toán số tiền 670.154.706 đồng, gồm nợ gốc 419.879.993 đồng và nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 10/11/2016 là 250.274.713 đồng. Đồng thời yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà T2) phải chịu lãi suất quá hạn phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 112.10.00004 ngày 02/12/2010 kể từ ngày 11/11/2016 cho đến khi bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà T2) thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là hợp đồng tín dụng số 112.10.00004 ngày 02/12/2010; Hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn số 112.10.00004 ngày 02/12/2010; Giấy nhận nợ số 01 có chữ ký, chữ viết của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà T2). Quá trình tố tụng, nguyên đơn đã yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bị đơn và

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà T2) trong Hợp đồng tín dụng số 112.10.00004 ngày 02/12/2010. Theo Kết luận giám định số 423/GĐ-PC54 ngày 15/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, thì chữ ký, chữ viết trong tài liệu cần giám định là Hợp đồng tín dụng số 112.10.00004 ngày 02/12/2010 là của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà T2) ký và viết ra. Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe tải cầu hiệu Hyundai mang biển số 61P-5495, số máy D6CB5109628, số khung 006215 do DNTN H đăng ký sở hữu theo Hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn số 112.10.00004 ngày 02/12/2010. Đây là sự tự nguyện của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 09/01/2017, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã thụ lý vụ án nêu trên trong sổ thụ lý án dân sự. Sau khi xem xét các tình tiết và chứng cứ do đương sự cung cấp, thì thấy các đương sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng, chủ thể tham gia ký hợp đồng là Ngân hàng TMCP Phương Đông và ông H2-Chủ DNTN H, cả hai đều có tư cách pháp nhân, như vậy quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án là Kinh doanh thương mại. Để giải quyết vụ án đúng trình tự thủ tục, ngày 03/8/2018, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã xóa sổ thụ lý vụ án dân sự chuyển sang sổ thụ lý án Kinh doanh thương mại.

[2] Về thẩm quyền: Do bị đơn ông H2-Chủ DNTN H, có trụ sở tại: ấp R, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương, nên căn cứ vào Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

[3] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bị đơn ông H2-Chủ DNTN H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà T2) vắng mặt không lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật để ông H2-Chủ DNTN H và bà T2 thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn khởi kiện yêu ông H2-Chủ DNTN H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà T2) có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 10/11/2016 là 670.154.706 đồng, trong đó có nợ gốc 419.879.993 đồng; nợ lãi quá hạn 250.274.713 đồng cùng với lãi suất quá hạn phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 112.10.00004 ngày 02/12/2010 kể từ ngày 11/11/2016 cho đến khi ông H2-Chủ DNTN H và bà T2 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng tín dụng số 112.10.00004 ngày 02/12/2010 có chữ ký, chữ viết của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan. Quá trình tố tụng, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà T2) đã không hợp tác tham gia, nên ngày 13/10/2017 nguyên đơn đã có đơn yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký của bị đơn cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hợp đồng tín dụng số 112.10.00004 ngày 02/12/2010. Theo kết luận giám định số 423/GĐ-PC54 ngày 15/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Bình Dương đã xác định, chữ ký, chữ viết trong hợp đồng tín dụng và các tài liệu giám định là do cùng một người ký và viết ra.

Tính đến ngày 10/11/2016, ông H2-Chủ DNTN H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà T2) còn nợ các khoản vay gốc là 419.879.993 đồng; nợ lãi quá hạn 250.274.713 đồng. Do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà T2) chưa thanh toán tiền, nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

[5] Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn đơn rút một phần yêu cầu về việc phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe tải cầu hiệu Huyndai mang biển số 61P-5495, số máy D6CB5109628, số khung 006215 do DNTN H đăng ký sở hữu theo Hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn số 112.10.00004 ngày 02/12/2010. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ không xem xét giải quyết

[6] Quá trình tố tụng, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà T2) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nên không xem xét ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà T2).

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần thủ tục tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, về nội dung vụ án là phù hợp.

[8] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà T2) phải chịu các chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P đối với bị đơn ông H2-Chủ Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bị đơn ông H2-Chủ Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P tổng số tiền 670.154.706 đồng, trong đó có

nợ gốc 419.879.993 đồng; nợ lãi quá hạn 250.274.713 đồng tạm tính đến ngày 10/11/2016 .

Kể từ ngày 11/11/2016 ông H2-Chủ Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ H và bà T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 112.10.00004 ngày 02/12/2010 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần P thì lãi suất mà ông H2-Chủ Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ H và bà T2 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P theo Quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông H2-Chủ Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ H về việc phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe tải cầu hiệu Huyndai mang biển số 61P-5495, số máy D6CB5109628, số khung 006215 do Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ Hiền Tâm đăng ký sở hữu theo Hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn số 112.10.00004 ngày 02/12/2010.

3. Án phí:

- Ông H2-Chủ Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2 phải chịu 30.806.188 đồng (ba mươi triệu tám trăm lẻ sáu ngàn một trăm tám mươi tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P 15.403.094 đồng (mười lăm triệu bốn trăm lẻ ba ngàn không trăm chín mươi bốn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0004696 ngày 22/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

4. Chi phí giám định: 1.930.000 đồng (một triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng) Ngân hàng Thương mại cổ phần P đã nộp xong. Do đó, ông H2-Chủ Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ H và bà T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền 1.930.000 đồng (một triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại địa phương theo Luật định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu cơ quan thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu khởi kiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND H. Dầu Tiếng;
- CCTHADS H. Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Mỹ Nguyễn Thị Thu Thu Nguyễn Thị Huyền

